

Số: 22 /2016/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 12 năm 2016

### NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 2

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 7241/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 2.** Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực, các quy định sau sẽ hết hiệu lực thi hành:

1. Nghị quyết số 101/2014/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định danh mục, mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

2. Nghị quyết số 121/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và

sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô; phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản; phí vệ sinh và bổ sung mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng một số loại lệ phí tại Nghị quyết số 101/2014/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

3. Nghị quyết số 32/2011/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

4. Nghị quyết số 124/2009/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc miễn lệ phí hộ tịch cho người Lào di cư sang Việt Nam đã được cấp phép cư trú ổn định và có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa IX, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./. *Hy*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TTTU, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

**CHỦ TỊCH**



*Trần Đức Quận*  
**Trần Đức Quận**

## QUY ĐỊNH

### Mức thu, nộp và chế độ quản lý, sử dụng các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND  
ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

## Chương I CÁC KHOẢN PHÍ

### Điều 1. Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống

1. Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân là chủ cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu phí: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lâm Đồng.

3. Mức thu phí:

a) Đối với bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng: 3.000.000 đồng/lần;

b) Đối với bình tuyển, công nhận vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống: 7.500.000 đồng/lần.

4. Kê khai, nộp phí:

a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày thu phí, tổ chức thu phí phải gửi tiền phí đã thu vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ (dưới đây gọi tắt là Thông tư số 156/2013/TT-BTC).

5. Quản lý phí: Tổ chức thu phí nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

## **Điều 2. Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố**

1. Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân được phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu phí: Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao quản lý lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

3. Mức thu phí:

a) Đối với xe:

Nội dung	Mức thu (đồng/xe/lần)	
	Ban ngày	Ban đêm
- Xe ba bánh, xe taxi	3.000	4.000
- Xe dưới 12 ghế ngồi; xe tải có trọng tải dưới 02 tấn	10.000	15.000
- Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có trọng tải từ 02 tấn đến dưới 04 tấn	15.000	20.000
- Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có trọng tải từ 4 tấn trở lên	20.000	30.000

b) Đối với người sản xuất, kinh doanh: 20.000 đồng/ngày, đêm.

4. Kê khai, nộp phí:

a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Định kỳ 05 ngày/lần, tổ chức thu phí phải gửi tiền phí đã thu vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

5. Quản lý phí: Tổ chức thu phí nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

## **Điều 3. Phí thăm quan di tích lịch sử, bảo tàng**

1. Người nộp phí: Người vào thăm quan tại Bảo tàng tỉnh Lâm Đồng và Khu di tích Nhà lao thiếu nhi Đà Lạt.

2. Tổ chức thu phí: Bảo tàng tỉnh Lâm Đồng.

3. Mức thu phí được áp dụng thống nhất đối với người Việt Nam và người nước ngoài đến thăm quan như sau:

a) Bảo tàng tỉnh Lâm Đồng: 15.000 đồng/người/lần;

b) Khu di tích Nhà lao thiếu nhi Đà Lạt: 10.000 đồng/người/lần.

4. Miễn phí thăm quan đối với:

a) Trẻ em;

b) Người khuyết tật đặc biệt.

5. Giảm 50% phí thăm quan đối với:

a) Người khuyết tật nặng;

b) Người cao tuổi;

c) Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa. Trường hợp khó xác định là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa thì chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú.

Người thuộc hai hay cả ba điểm a, b, c nêu trên thì cũng chỉ được giảm 50% phí thăm quan.

6. Kê khai, nộp phí:

a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Định kỳ 05 ngày/lần, tổ chức thu phí phải gửi tiền phí đã thu vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

7. Quản lý và sử dụng phí: Tổ chức thu phí được để lại 50% tiền phí thu được để phục vụ công tác thu phí; nộp 50% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

#### **Điều 4. Phí thăm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp**

1. Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thăm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu phí: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng.

3. Mức thu phí:

a) Cấp lần đầu (cấp mới): 2.500.000 đồng/lần.

b) Cấp đổi, cấp lại: 1.250.000 đồng/lần.

4. Kê khai, nộp phí:

a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày thu phí, cơ quan thu phí phải gửi tiền phí đã thu vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

5. Quản lý phí: Tổ chức thu phí nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

### **Điều 5. Phí thư viện**

1. Người nộp phí: Cá nhân cần cung cấp các dịch vụ tra tìm vốn tài liệu của các thư viện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu phí: Các thư viện thuộc tỉnh, huyện, thành phố.

3. Mức thu phí:

a) Phí thẻ mượn, thẻ đọc:

- Trẻ em: 10.000 đồng/thẻ/năm;
- Học sinh, sinh viên: 20.000 đồng/thẻ/năm;
- Các đối tượng còn lại: 30.000 đồng/thẻ/năm.

b) Phí sử dụng phòng đọc đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm và các phòng đọc đặc biệt khác:

- Trẻ em: 30.000 đồng/thẻ/năm;
- Người lớn: 100.000 đồng/thẻ/năm.

4. Miễn phí thư viện đối với người khuyết tật đặc biệt.

5. Giảm 50% phí thư viện đối với:

a) Người khuyết tật nặng;

b) Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa. Trường hợp khó xác định là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa thì chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú.

6. Kê khai, nộp phí:

a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Trước ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi tiền phí đã thu của tháng trước vào Tài khoản phí mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

7. Quản lý và sử dụng phí: Tổ chức thu phí được để lại 100% tiền phí thu được để chi cho công tác thu phí và hoạt động của thư viện.

**Điều 6. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết:**

1. Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu phí: Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Lâm Đồng.

3. Mức thu phí:

a) Thẩm định lần đầu:

Đơn vị: triệu đồng/báo cáo

Nội dung	Tổng mức vốn đầu tư				
	Đến 50 tỷ đồng	Từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	Từ trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng	Từ trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng	Trên 500 tỷ đồng
- Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	12,0	14,0	17,0
- Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15,0	16,0	25,0
- Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17,0	18,0	25,0
- Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,8	9,5	17,0	18,0	24,0
- Nhóm 5: Dự án giao thông	8,1	10,0	18,0	20,0	25,0
- Nhóm 6: Dự án công nghiệp	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0
- Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5 và 6 nêu trên)	5,0	6,0	10,8	12,0	15,6

b) Thẩm định bổ sung hoặc thẩm định lại: Mức thu bằng 50% mức thu thẩm định lần đầu.

4. Kê khai, nộp phí:

a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày thu phí, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

5. Quản lý phí: Tổ chức thu phí nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

**Điều 7. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung**

1. Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định phương án cải tạo, hồi phục môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu phí: Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Lâm Đồng.

3. Mức thu phí:

a) Thẩm định lần đầu:

Tổng vốn đầu tư	Mức thu (đồng/phương án)
- Đến 50 tỷ đồng	8.400.000
- Trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	10.500.000
- Trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng	19.000.000
- Trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng	20.000.000
- Trên 500 tỷ đồng	26.000.000

b) Thẩm định bổ sung hoặc thẩm định lại: Mức thu bằng 50% mức thu thẩm định lần đầu.

4. Kê khai, nộp phí:

a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày thu phí, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

5. Quản lý phí: Tổ chức thu phí nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

### **Điều 8. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**

1. Người nộp phí: Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đăng ký, nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tiến hành thẩm định để giao đất, cho thuê đất và đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

2. Tổ chức thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng.

3. Mức thu phí:

a) Thẩm định lần đầu:

Nội dung	Mức thu (đồng/hồ sơ)
- Đối với hộ gia đình, cá nhân:	
+ Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup>	100.000
+ Diện tích từ 100 m <sup>2</sup> đến dưới 300 m <sup>2</sup>	200.000
+ Diện tích từ 300 m <sup>2</sup> đến dưới 500 m <sup>2</sup>	300.000
+ Diện tích từ 500 m <sup>2</sup> đến dưới 1.000 m <sup>2</sup>	500.000
+ Diện tích từ 1.000 m <sup>2</sup> đến dưới 3.000 m <sup>2</sup>	700.000
+ Diện tích trên 3.000 m <sup>2</sup>	1.000.000
- Đối với tổ chức:	
+ Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup>	200.000
+ Diện tích từ 100 m <sup>2</sup> đến dưới 300 m <sup>2</sup>	400.000
+ Diện tích từ 300 m <sup>2</sup> đến dưới 500 m <sup>2</sup>	600.000
+ Diện tích từ 500 m <sup>2</sup> đến dưới 1.000 m <sup>2</sup>	900.000
+ Diện tích từ 1.000 m <sup>2</sup> đến dưới 3.000 m <sup>2</sup>	1.200.000
+ Diện tích từ 3.000 m <sup>2</sup> đến dưới 10.000 m <sup>2</sup>	1.500.000
+ Diện tích từ 1 ha đến dưới 10 ha	2.000.000
+ Diện tích từ 10 ha đến dưới 50 ha	3.000.000
+ Diện tích từ 50 ha đến dưới 100 ha	5.000.000
+ Diện tích từ 100 ha đến dưới 500 ha	6.300.000
+ Diện tích trên 500 ha	7.500.000

b) Trường hợp cấp đổi, cấp lại hồ sơ: Mức thu bằng 50% mức thu thẩm định lần đầu.

4. Miễn thu phí đối với các trường hợp:

a) Cấp quyền sử dụng đất lần đầu đối với cá nhân, tổ chức đang sử dụng ổn định;

b) Cấp đổi theo chủ trương của Nhà nước;

c) Cấp đổi do điều chỉnh diện tích đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất; hiến đất để xây dựng các công trình công cộng, phúc lợi xã hội.

5. Giảm 50% phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các đối tượng được ưu đãi theo Pháp lệnh người có công; hộ nghèo và hộ cận nghèo.

6. Kê khai, nộp phí:

a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày thu phí, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

6. Quản lý và sử dụng phí: Tổ chức thu phí được để lại 90% tiền phí thu được để phục vụ công tác thu phí; nộp 10% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

### **Điều 9. Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất**

1. Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng.

3. Mức thu phí:

a) Thẩm định lần đầu (mới):

- Đối với báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng nước dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: 400.000 đồng/đề án, báo cáo;

- Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 200m<sup>3</sup> đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.100.000 đồng/đề án, báo cáo;

- Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 500m<sup>3</sup> đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.600.000 đồng/đề án, báo cáo;

- Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000m<sup>3</sup> đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 5.000.000 đồng/đề án, báo cáo;

b) Thẩm định gia hạn, điều chỉnh: Mức thu bằng 50% mức thu thẩm định lần đầu.

c) Thẩm định cấp lại: Mức thu bằng 30% mức thu thẩm định lần đầu.

4. Kê khai, nộp phí:

a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày thu phí, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

5. Quản lý phí: Tổ chức thu phí nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

#### **Điều 10. Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất**

1. Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng.

3. Mức thu phí:

a) Thẩm định lần đầu: 1.400.000 đồng/hồ sơ.

b) Thẩm định gia hạn, bổ sung: 700.000 đồng/hồ sơ.

4. Kê khai, nộp phí:

a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày thu phí, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

5. Quản lý phí: Tổ chức thu phí nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

#### **Điều 11. Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt**

1. Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng.

3. Mức thu phí:

a) Thẩm định lần đầu (mới):

- Đề án khai thác, sử dụng nước mặt các mục đích khác với lưu lượng nước dưới 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 600.000 đồng/đề án;

- Đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m<sup>3</sup> đến dưới 0,5 m<sup>3</sup>/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m<sup>3</sup> đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.800.000 đồng/đề án;

- Đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m<sup>3</sup> đến dưới 1 m<sup>3</sup>/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m<sup>3</sup> đến dưới 20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 4.400.000 đồng/đề án;

- Đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 2 m<sup>3</sup>/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m<sup>3</sup> đến dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 8.400.000 đồng/đề án.

b) Thẩm định gia hạn, điều chỉnh: Mức thu bằng 50% mức thu thẩm định lần đầu.

c) Thẩm định cấp lại: Mức thu bằng 30% mức thu thẩm định lần đầu.

#### 4. Kê khai, nộp phí:

a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày thu phí, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

5. Quản lý phí: Tổ chức thu phí nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

### **Điều 12. Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi**

1. Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

#### 2. Tổ chức thu phí:

a) Thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng.

b) Thẩm định đề án xả nước thải vào công trình thủy lợi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng.

### 3. Mức thu phí:

#### a) Thẩm định lần đầu (mới):

- Đề án có lưu lượng nước dưới 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 600.000 đồng/đề án;
- Đề án có lưu lượng nước từ 100m<sup>3</sup> đến dưới 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.800.000 đồng/đề án;
- Đề án có lưu lượng nước từ 500 m<sup>3</sup> đến dưới 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 4.400.000 đồng/đề án;
- Đề án có lưu lượng nước từ 2.000 m<sup>3</sup> đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 8.400.000 đồng/đề án;
- Đề án có lưu lượng nước từ trên 10.000 m<sup>3</sup> đến dưới 20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: 11.600.000 đồng/đề án;
- Đề án lưu lượng nước từ trên 20.000 m<sup>3</sup> đến dưới 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: 14.600.000 đồng/đề án.

b) Thẩm định gia hạn, điều chỉnh: Mức thu bằng 50% mức thu thẩm định lần đầu.

c) Thẩm định cấp lại: Mức thu bằng 30% mức thu thẩm định lần đầu.

### 4. Kê khai, nộp phí:

a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày thu phí, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

5. Quản lý phí: Tổ chức thu phí nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

### **Điều 13. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai**

1. Người nộp phí: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng.

## 3. Mức thu phí:

Loại tài liệu	Đơn vị tính	Thông tin dạng giấy	Thông tin dạng số
a) Cung cấp trực tiếp:			
- Hồ sơ tài liệu	đồng/01 trang	39.000	32.000
- Các loại bản đồ	đồng/01 mảnh	95.000	78.000
- Hồ sơ khác	đồng/10 thửa	46.000	-
b) Cung cấp qua đường bưu điện, trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử:			
- Hồ sơ tài liệu	đồng/01 trang	41.000	34.000
- Các loại bản đồ	đồng/01 mảnh	100.000	82.000
- Hồ sơ khác	đồng/10 thửa	48.000	-

- Mức tính phí khai thác hồ sơ tài liệu tính cho 01 trang, mỗi trang tăng thêm tính bằng 0,11;

- Mức tính phí khai thác các loại bản đồ tính cho 01 mảnh, mỗi mảnh tăng thêm tính bằng 0,11;

- Mức tính phí khai thác các loại hồ sơ khác tính cho 10 thửa, nếu số thửa thay đổi thì mức tính theo tỷ lệ thuận với mức phí nêu trên;

- Mức thu phí nêu trên tối đa không quá 300.000 đồng/hồ sơ, tài liệu (không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu).

## 4. Miễn thu phí đối với các trường hợp:

a) Trường hợp cung cấp dữ liệu đất đai để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp, cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan;

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan tài nguyên và môi trường ở địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp được cung cấp dữ liệu đất đai để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai.

## 5. Kê khai, nộp phí:

a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Trước ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

6. Quản lý và sử dụng phí: Tổ chức thu phí được để lại 90% tiền phí thu được để chi cho công tác thu phí; nộp 10% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

**Điều 14. Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất**

1. Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng.

3. Mức thu phí:

a) Đối với tổ chức: 35.000 đồng/trường hợp.

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân: 25.000 đồng/trường hợp.

4. Miễn thu phí đối với các trường hợp:

a) Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp văn bản chứng nhận nội dung đăng ký trong trường hợp đăng ký trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên;

b) Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên;

c) Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng;

d) Chinh lý thông tin về khách hàng thường xuyên sau khi đã được cấp mã số khách hàng thường xuyên.

5. Kê khai, nộp phí:

a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Trước ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

6. Quản lý và sử dụng phí: Tổ chức thu phí được để lại 90% tiền phí thu được để chi cho công tác thu phí; nộp 10% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

**Điều 15. Phí đăng ký giao dịch bảo đảm**

1. Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng.

### 3. Mức thu phí:

#### a) Đối với tổ chức:

- Đăng ký giao dịch bảo đảm: 100.000 đồng/hồ sơ;
- Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm: 85.000 đồng/hồ sơ;
- Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký: 70.000 đồng/hồ sơ;
- Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm: 25.000 đồng/hồ sơ.

#### b) Đối với hộ gia đình, cá nhân:

Nội dung	Mức thu (đồng/hồ sơ)	
	Tại các phường, thị trấn	Tại các xã
- Đăng ký giao dịch bảo đảm	60.000	40.000
- Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	50.000	30.000
- Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	40.000	20.000
- Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	20.000	15.000

### 4. Miễn thu phí đối với các trường hợp:

- a) Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh;
- b) Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên;
- c) Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.

### 5. Kê khai, nộp phí:

- a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.
- b) Trước ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.
- c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

6. Quản lý và sử dụng phí: Tổ chức thu phí được để lại 90% tiền phí thu được để chi cho công tác thu phí; nộp 10% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

## Chương II CÁC KHOẢN LỆ PHÍ

### Điều 16. Lệ phí đăng ký cư trú

1. Người nộp lệ phí: Người đăng ký cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu lệ phí: Công an các huyện, thành phố; công an xã, phường, thị trấn.

3. Mức thu lệ phí:

Nội dung công việc	Mức thu	
	Tại các phường	Tại các khu vực khác
- Cấp lại, đổi sổ hộ khẩu; sổ tạm trú	20.000 đồng/lần đăng ký	10.000 đồng/lần đăng ký
- Cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	10.000 đồng/lần cấp	5.000 đồng/lần cấp
- Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	8.000 đồng/lần đính chính	4.000 đồng/lần đính chính

4. Miễn thu lệ phí đối với các trường hợp:

a) Đăng ký cấp sổ hộ khẩu, cấp sổ tạm trú lần đầu;

b) Công dân là bố, mẹ, vợ (hoặc chồng), con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ gia đình nghèo; công dân thường trú thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc;

c) Đính chính lại địa chỉ do Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà;

d) Xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.

5. Kê khai, nộp lệ phí:

a) Người nộp lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.

b) Trước ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu lệ phí phải gửi số tiền lệ phí đã thu của tháng trước vào Tài khoản lệ phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp số tiền lệ phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

6. Quản lý lệ phí: Tổ chức thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

### **Điều 17. Lệ phí cấp chứng minh nhân dân**

1. Người nộp lệ phí: Người được cơ quan công an cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu lệ phí: Công an các huyện, thành phố.

3. Mức thu lệ phí (không bao gồm tiền ảnh) đối với trường hợp cấp lại, cấp đổi:

a) Các phường thuộc thành phố: 9.000 đồng/lần cấp.

b) Các xã, thị trấn: 4.000 đồng/lần cấp.

4. Miễn thu lệ phí đối với các trường hợp:

a) Công dân dưới 16 tuổi đề nghị cấp mới, cấp đổi, cấp lại chứng minh nhân dân;

b) Cấp đổi chứng minh nhân dân do Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính;

c) Cấp mới, cấp đổi, cấp lại chứng minh nhân dân cho công dân là bố, mẹ, vợ (hoặc chồng), con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật;

d) Cấp mới, cấp đổi, cấp lại chứng minh nhân dân cho công dân dưới 18 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa;

e) Cấp đổi chứng minh nhân dân khi có sai sót về thông tin trên chứng minh nhân dân do lỗi của cơ quan quản lý chứng minh nhân dân.

5. Kê khai, nộp lệ phí:

a) Người nộp lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.

b) Trước ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu lệ phí phải gửi số tiền lệ phí đã thu của tháng trước vào Tài khoản lệ phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp số tiền lệ phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

6. Quản lý lệ phí: Tổ chức thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí do ngân sách nhà nước

bố trí trong dự toán của tổ chức thu lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

### **Điều 18. Lệ phí hộ tịch**

1. Người nộp lệ phí: Người được cơ quan có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu lệ phí: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Sở Tư pháp.

3. Mức thu lệ phí:

a) Đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

- Khai sinh quá hạn; đăng ký lại khai sinh: 8.000 đồng/trường hợp;
- Khai tử quá hạn; đăng ký lại khai tử: 8.000 đồng/trường hợp;
- Kết hôn, đăng ký lại kết hôn: 30.000 đồng/trường hợp;
- Nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng/trường hợp;
- Cấp bản sao trích lục hộ tịch: 3.000 đồng/bản sao;
- Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch: 15.000 đồng/trường hợp;
- Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 15.000 đồng/trường hợp;
- Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 8.000 đồng/trường hợp;
- Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác: 8.000 đồng/trường hợp.

b) Đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

- Khai sinh; khai sinh quá hạn; đăng ký lại khai sinh: 75.000 đồng/trường hợp;
- Khai tử; khai tử quá hạn; đăng ký lại khai tử: 75.000 đồng/trường hợp;
- Kết hôn, đăng ký lại kết hôn: 1.500.000 đồng/trường hợp;
- Giám hộ: 75.000 đồng/trường hợp;
- Nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng/trường hợp;
- Cấp bản sao trích lục hộ tịch: 8.000 đồng/bản sao;
- Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch; xác định lại dân tộc: 28.000 đồng/trường hợp;
- Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài: 75.000 đồng/trường hợp;
- Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác: 75.000 đồng/trường hợp.

c) Đăng ký tại Sở Tư pháp: Cấp bản sao trích lục hộ tịch: 8.000 đồng/bản sao.

4. Miễn thu lệ phí đối với các trường hợp:

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật;

b) Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước;

c) Người Lào di cư sang Việt Nam đã được cấp giấy phép cư trú ổn định và có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

5. kê khai, nộp lệ phí:

a) Người nộp lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.

b) Trước ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu lệ phí phải gửi số tiền lệ phí đã thu của tháng trước vào Tài khoản lệ phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp số tiền lệ phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

6. Quản lý lệ phí: Tổ chức thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

### **Điều 19. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam**

1. Người nộp lệ phí: Người sử dụng lao động khi làm thủ tục để được cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam cấp giấy phép lao động và cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức mình hoạt động trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu lệ phí: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Lâm Đồng và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền được cấp giấy phép.

3. Mức thu lệ phí:

a) Cấp mới: 1.000.000 đồng/giấy phép.

b) Cấp lại: 800.000 đồng/giấy phép.

4. kê khai, nộp lệ phí:

a) Người nộp lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.

b) Trước ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu lệ phí phải gửi số tiền lệ phí đã thu của tháng trước vào Tài khoản lệ phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp số tiền lệ phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

5. Quản lý lệ phí: Tổ chức thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

**Điều 20. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:**

1. Người nộp lệ phí: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu lệ phí: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng.

3. Mức thu lệ phí:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân:

Nội dung	Mức thu	
	Tại các phường	Tại các xã, thị trấn
- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:		
+ Cấp lần đầu (cấp mới)	100.000 đồng/giấy	50.000 đồng/giấy
+ Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	50.000 đồng/lần cấp	25.000 đồng/lần cấp
- Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất):		
+ Cấp lần đầu (cấp mới)	25.000 đồng/giấy	10.000 đồng/giấy
+ Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	20.000 đồng/lần cấp	10.000 đồng/lần cấp
- Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	25.000 đồng/lần	10.000 đồng/lần
- Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	15.000 đồng/lần	10.000 đồng/lần

b) Đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo:

- Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 500.000 đồng/giấy;

- Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho tổ chức chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy;

- Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận: 50.000 đồng/lần cấp;

- Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 30.000 đồng/lần;

- Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần.

4. Miễn thu lệ phí đối với:

a) Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành mà có nhu cầu cấp đổi lại giấy chứng nhận;

b) Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn; hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ tại các phường, thị trấn; các đối tượng ưu đãi theo Pháp lệnh người có công đối với cách mạng.

5. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí.

6. kê khai, nộp lệ phí:

a) Người nộp lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.

b) Trước ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu lệ phí phải gửi số tiền lệ phí đã thu của tháng trước vào Tài khoản lệ phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp số tiền lệ phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

7. Quản lý lệ phí: Tổ chức thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

### **Điều 21. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng**

1. Người nộp lệ phí: Người xin cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổ chức thu lệ phí: Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

3. Mức thu lệ phí:

a) Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép):

- Cấp mới: Tại các phường: 80.000 đồng/giấy phép; tại các xã, thị trấn: 50.000 đồng/giấy phép;

- Gia hạn giấy phép: Tại các phường: 20.000 đồng/giấy phép; tại các xã, thị trấn: 10.000 đồng/giấy phép;

b) Cấp giấy phép xây dựng các công trình khác:

- Cấp mới: 200.000 đồng/giấy phép.

- Gia hạn giấy phép: 50.000 đồng/giấy phép.

4. kê khai, nộp lệ phí:

a) Người nộp lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.

b) Trước ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu lệ phí phải gửi số tiền lệ phí đã thu của tháng trước vào Tài khoản lệ phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp số tiền lệ phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

5. Quản lý lệ phí: Tổ chức thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

## **Điều 22. Lệ phí đăng ký kinh doanh**

1. Người nộp lệ phí: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; cơ sở giáo dục, đào tạo tư thục, dân lập, bán công; cơ sở y tế tư nhân, dân lập; cơ sở văn hóa thông tin trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đăng ký kinh doanh.

2. Tổ chức thu lệ phí: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng; Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố.

3. Mức thu lệ phí:

a) Hợp tác xã; cơ sở giáo dục, đào tạo tư thục, dân lập, bán công; cơ sở y tế tư nhân, dân lập; cơ sở văn hóa thông tin do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng ký kinh doanh: 100.000 đồng/lần cấp;

b) Liên hiệp hợp tác xã; cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công; cơ sở y tế tư nhân, dân lập; cơ sở văn hóa thông tin do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đăng ký kinh doanh: 200.000 đồng/lần cấp;

c) Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh: 30.000 đồng/lần (chứng nhận hoặc thay đổi);

d) Cấp bản sao đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh hoặc bản trích lục nội dung đăng ký kinh doanh: 3.000 đồng/bản;

e) Cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh: 15.000 đồng/lần cung cấp.

4. Miễn thu lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh cho các cơ quan quản lý nhà nước.

5. Kê khai, nộp lệ phí:

a) Người nộp lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.

b) Trước ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu lệ phí phải gửi số tiền lệ phí đã thu của tháng trước vào Tài khoản lệ phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp số tiền lệ phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

6. Quản lý lệ phí: Tổ chức thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước. /.

*Hy*

**CHỦ TỊCH**



*Trần Đức Quận*

**Trần Đức Quận**